

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN**  
**(Từ ngày 1 đến 7/10/2026)**

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-40mm, có nơi trên 70mm như: Chi Nê (Phú Thọ) 70.8mm, Hoài Đức (Hà Nội) 80.3mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 72%.<br>+ Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 85%.<br>+ Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN 40%.<br>+ Trên sông Hồng: Trong 7 ngày qua, dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo xu thế xuống, chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua thấp hơn TBNN cùng kỳ 31%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-40mm, có nơi trên 80mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%.<br>+ Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang có khả năng cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 64%.<br>+ Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn so với TBNN khoảng 15%.<br>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ 18%.             |

## 1.2. Lưu vực sông Thái Bình

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| - Tổng lượng mưa: phổ biến 0-30mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với tuần trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 38%.<br>+ Trên sông Lục Nam, lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm, tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 79%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| - Tổng lượng mưa: phổ biến 15-30mm, có nơi trên 50mm.                                                                                                                                                                                                                                                               |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 40%.<br>+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 88%.                                  |

## 1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| - Tổng lượng mưa: phía Bắc 20-100mm, phía Nam 70-150mm, có nơi trên 200mm như: Vinh (Nghệ An) 209.1mm, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 219.5mm, Đồng Hới (Quảng Trị) 205.4mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 7%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 51%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 19%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 44%.<br>+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 74%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| - Tổng lượng mưa: phổ biến 20-80mm, có nơi trên 150mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 40%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 68%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 71%, sông Ngàn Phố                                                                                                                                                                                                                           |

tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 77%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông có dao động và tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 58%.

#### 1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| - Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa: 0-80mm, có nơi trên 160mm như: Lý Sơn (Quảng Ngãi) 164.7mm, Quy Nhơn (Gia Lai) 185.4mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| - Tổng lượng dòng chảy:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 31%; sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 44%.                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông có dao động, riêng trên thượng nguồn sông Ba tại trạm trạm Pơ Mơ Rê đã xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ còn ở dưới mức báo động(BĐ) 1. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 32%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 3%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 35%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 279% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao cao hơn 52%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| - Tổng lượng mưa: phổ biến 20-70mm, có nơi trên 100mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| - Tổng lượng dòng chảy:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông có dao động và tăng cao so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 7%; sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 7%.                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông biến đổi chậm, một số sông có khả năng xuất hiện dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 22% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn 30% so với TBNN.                                                                                                                                                                                                                                          |

#### 1.5. Lưu vực sông Mê Công

|                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                              |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 60-150mm, có nơi trên 200mm như: Biên Hòa (Đồng Nai) 204.4mm, ... |
| - Tổng lượng dòng chảy:                                                                      |
| + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến                    |

sông Đắkbla ở mức tương đương so với tuần vừa qua; lưu lượng đến sông Krông Ana tăng dần và ở mức cao hơn tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 86%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 43%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần

*b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-70mm, có nơi trên 85mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đắkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương so với tuần trước; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 84%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 45%.

+ Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần; trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng cao hơn TBNN 15%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 22%.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 8/10/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục**  
**Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**  
*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01/10 đến ngày 7/10/2026*

*Đơn vị: mm*

| Khu vực                                 | Trạm        | Thực đo 7 ngày | So sánh TBNN (%) | Dự báo |        |        |        |        |        |        |      |                  |
|-----------------------------------------|-------------|----------------|------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|------|------------------|
|                                         |             |                |                  | Ngày 1 | Ngày 2 | Ngày 3 | Ngày 4 | Ngày 5 | Ngày 6 | Ngày 7 | Tổng | So sánh TBNN (%) |
| Lưu vực sông Hồng                       | Tam Đường   | 1.6            | <94              | 0.9    | 3.3    | 6.3    | 5.8    | 0.2    | 0      | 0      | 16.5 | <53              |
|                                         | Sơn La      | 0              | <100             | 1.4    | 1.9    | 6.5    | 17.9   | 1.1    | 0      | 0      | 28.8 | >35              |
|                                         | Hòa Bình    | 14.8           | <74              | 5.3    | 2.2    | 1.4    | 17.9   | 0.4    | 0      | 0      | 27.2 | <42              |
|                                         | Lào Cai     | 0.8            | <98              | 1.3    | 3.1    | 7      | 28.9   | 0.7    | 0      | 0      | 41   | >59              |
|                                         | Yên Bái     | 0              | <100             | 6.2    | 4.4    | 9.5    | 22.5   | 0      | 0      | 0      | 42.6 | >4               |
|                                         | Tuyên Quang | 6              | <83              | 6.8    | 4.1    | 15.7   | 14.3   | 0.1    | 0      | 0      | 41   | >3               |
|                                         | Hà Giang    | 17.8           | <72              | 2.2    | 6.5    | 8      | 9.8    | 4.1    | 0      | 0      | 30.6 | <44              |
|                                         | Láng        | 21.7           | <59              | 3.2    | 2.7    | 5.3    | 22.2   | 2.8    | 0      | 0      | 36.2 | >21              |
|                                         | Thái Bình   | 8.9            | <88              | 0.6    | 0.6    | 3.4    | 30     | 11.9   | 0      | 0      | 46.5 | >30              |
|                                         | Nam Định    | 27.1           | <61              | 0.7    | 1.3    | 3      | 26.3   | 24.6   | 0      | 0      | 55.9 | >64              |
| Lưu vực sông Thái Bình                  | Bắc Cạn     | 0              | <100             | 7.9    | 4.4    | 21.7   | 7.2    | 0.8    | 0      | 0      | 42   | >156             |
|                                         | Thái Nguyên | 14             | <69              | 3.7    | 1.6    | 10.3   | 11     | 0      | 0      | 0      | 26.6 | >4               |
|                                         | Bắc Ninh    | 0              | <100             | 1      | 1.5    | 11.5   | 16.6   | 0.4    | 0      | 0      | 31   | >5               |
|                                         | Lạng Sơn    | 0.1            | <100             | 0.8    | 0.4    | 1.1    | 15.2   | 0.2    | 0      | 0      | 17.7 | <1               |
|                                         | Bắc Giang   | 6.1            | <83              | 0.9    | 1.5    | 11     | 24.7   | 0.5    | 0      | 0      | 38.6 | >124             |
|                                         | Hải Dương   | 0.1            | <100             | 0.9    | 1.3    | 8.2    | 38.1   | 5.4    | 0      | 0      | 53.9 | >98              |
| Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ | Hồi Xuân    | 17.6           | <70              | 2.9    | 2.4    | 1      | 14     | 0.1    | 0      | 0      | 20.4 | <50              |
|                                         | Bái Thượng  | 36.5           | <40              | 0.6    | 0.9    | 2.2    | 32.1   | 7.3    | 0      | 0      | 43.1 | <12              |
|                                         | Thanh Hóa   | 32.3           | <61              | 1.9    | 1      | 1.9    | 28.8   | 4.4    | 0      | 0      | 38   | <40              |
|                                         | Quỳ Châu    | 12             | <90              | 1.3    | 4.4    | 1      | 13.6   | 0.6    | 0      | 0      | 20.9 | <66              |
|                                         | Cửa Rào     | 35             | <22              | 2.7    | 3.4    | 0.9    | 18.3   | 5      | 0      | 0      | 30.3 | <23              |
|                                         | Đô Lương    | 106.2          | >6               | 0.9    | 2.3    | 0.9    | 27     | 11.7   | 0      | 0      | 42.8 | <55              |
|                                         | Vinh        | 209.1          | >75              | 0.5    | 0.2    | 0.8    | 42.7   | 23.1   | 0      | 0      | 67.3 | <38              |

| Khu vực                                  | Trạm          | Thực<br>đo 7<br>ngày | So sánh<br>TBNN<br>(%) | Dự báo |        |        |        |        |        |        |       |                     |
|------------------------------------------|---------------|----------------------|------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|---------------------|
|                                          |               |                      |                        | Ngày 1 | Ngày 2 | Ngày 3 | Ngày 4 | Ngày 5 | Ngày 6 | Ngày 7 | Tổng  | So sánh<br>TBNN (%) |
|                                          | Hương Sơn     | 73.2                 | <43                    | 0.1    | 0.3    | 0.9    | 22.3   | 2.4    | 0      | 0      | 26    | <83                 |
|                                          | Hương Khê     | 142.6                | <8                     | 0      | 1.5    | 0.5    | 9.2    | 81.8   | 0      | 0.5    | 93.5  | <38                 |
|                                          | Hà Tĩnh       | 151.6                | >13                    | 0.1    | 0.2    | 0.4    | 11.8   | 135.4  | 0      | 1.2    | 149.1 | <8                  |
|                                          | Đồng Hới      | 205.4                | >31                    | 0.2    | 0.2    | 1.3    | 6.6    | 70.5   | 7      | 0.8    | 86.6  | <41                 |
|                                          | Quảng Trị     | 126                  | <24                    | 0.1    | 0      | 1.5    | 1.8    | 39.1   | 65.5   | 3.5    | 111.5 | <21                 |
|                                          | Nam Đông      | 71.5                 | <64                    | 0.5    | 0.7    | 1.7    | 3.7    | 7.2    | 26.3   | 20.6   | 60.7  | <71                 |
|                                          | Huế           | 103.7                | <34                    | 0.2    | 0      | 2      | 4.3    | 16.2   | 52.7   | 20.2   | 95.6  | <45                 |
| Lưu vực thuộc<br>khu vực Nam<br>Trung Bộ | Đà Nẵng       | 26                   | <81                    | 0      | 0.3    | 0      | 1.4    | 5.4    | 15.7   | 29.3   | 52.1  | <58                 |
|                                          | Trà My        | 114.2                | <16                    | 0      | 1.2    | 1.3    | 2.7    | 3      | 46     | 29.1   | 83.3  | <49                 |
|                                          | Ba Tơ         | 79.8                 | <29                    | 0      | 0      | 1.3    | 4.1    | 5.6    | 32.6   | 26.5   | 70.1  | <53                 |
|                                          | Quảng Ngãi    | 55.5                 | <58                    | 0      | 0.2    | 1.3    | 2.3    | 2.8    | 43.7   | 38.4   | 88.7  | <27                 |
|                                          | Quy Nhơn      | 185.4                | >98                    | 0      | 2.1    | 3.6    | 2.5    | 3.3    | 8      | 19.5   | 39    | <68                 |
|                                          | An Khê        | 101.3                | >54                    | 0.3    | 1.7    | 2.8    | 2.6    | 2.5    | 8.2    | 9.6    | 27.7  | <66                 |
|                                          | Tuy Hòa       | 83.7                 | <5                     | 0.1    | 1.8    | 2      | 3.3    | 2.3    | 11.8   | 24.6   | 45.9  | <59                 |
|                                          | Nha Trang     | 56.4                 | <19                    | 0.1    | 0.8    | 7.1    | 3.7    | 4.8    | 9.4    | 17.9   | 43.8  | <27                 |
| Lưu vực sông<br>Mê Công                  | Kon Tum       | 66.7                 | <25                    | 1.5    | 3.4    | 1.8    | 1.5    | 1.6    | 1.1    | 15.5   | 26.4  | <59                 |
|                                          | Lắk           | 207.9                | >117                   | 3.5    | 2.6    | 3.8    | 2.6    | 5.1    | 3.2    | 7.4    | 28.2  | <63                 |
|                                          | Buôn Mê Thuật | 121.9                | >39                    | 1.6    | 1.3    | 3.2    | 4.4    | 1.2    | 2.1    | 9.9    | 23.7  | <67                 |
|                                          | Biên Hòa      | 204.4                | >123                   | 8.5    | 6.2    | 6      | 3.9    | 13     | 12.9   | 11.7   | 62.2  | <22                 |
|                                          | Cần Thơ       | 95.3                 | >27                    | 4.5    | 2.4    | 6.4    | 11.9   | 6.2    | 12.4   | 4.3    | 48.1  | <31                 |

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01/10 đến ngày 7/10/2026

Đơn vị: triệu m<sup>3</sup>

| Sông     | Trạm        | Thực đo<br>từ ngày<br>24/09 đến<br>30/09 | So sánh<br>TBNN<br>(%) | Dự báo |       |       |       |       |        |       |        | So sánh<br>TBNN<br>(%) |
|----------|-------------|------------------------------------------|------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|--------|-------|--------|------------------------|
|          |             |                                          |                        | 01/10  | 02/10 | 03/10 | 04/10 | 05/10 | 06/10  | 07/10 | Tổng   |                        |
| Thao     | Yên Bái     | 222                                      | <72                    | 17     | 17    | 16    | 16    | 16    | 15.0   | 15    | 112    | <78                    |
| Lô       | Tuyên Quang | 81.69                                    | <85                    | 21.6   | 22.03 | 20.74 | 22.46 | 22.9  | 24.2   | 25.92 | 159.84 | <64                    |
| Đà       | Hồ Hòa Bình | 910.29                                   | <40                    | 173    | 156   | 138   | 130   | 121   | 104.0  | 102   | 899    | <15                    |
| Hồng     | Hà Nội      | 1439                                     | <31                    | 144    | 154   | 164   | 173   | 183   | 193.0  | 207   | 1218   | <18                    |
| Cầu      | Gia Bảy     | 51.48                                    | <38                    | 4.18   | 4.51  | 4.99  | 5.48  | 4.99  | 4.5    | 4.13  | 32.8   | <40                    |
| Lục Nam  | Chũ         | 13.3                                     | <79                    | 1.07   | 1.27  | 1.54  | 1.27  | 1.19  | 1.1    | 1.03  | 8.48   | <88                    |
| Mã       | Cắm Thủy    | 632.2                                    | < 7%                   | 34.06  | 35.14 | 35.5  | 36.93 | 40.16 | 36.6   | 32.63 | 250.99 | < 40%                  |
| Cả       | Yên Thượng  | 612.6                                    | < 51%                  | 45.31  | 46.74 | 47.22 | 49.12 | 53.42 | 48.7   | 43.4  | 333.85 | < 68%                  |
| La       | Hòa Duyệt   | 213.4                                    | < 19%                  | 11.9   | 12.28 | 12.4  | 12.9  | 14.03 | 12.8   | 11.4  | 87.696 | < 71%                  |
| Tả Trạch | Thượng Nhật | 34.6                                     | > 74                   | 3.1    | 3.6   | 4     | 4.8   | 5     | 5.4    | 4.9   | 30.8   | > 58                   |
| Thu Bồn  | Nông Sơn    | 282.5                                    | > 31                   | 28.3   | 29    | 30.4  | 30.9  | 31.8  | 32.4   | 33    | 215.8  | > 7                    |
| Trà Khúc | Sơn Giang   | 221.2                                    | > 44                   | 20.7   | 21.8  | 23.2  | 23.5  | 25.1  | 25.9   | 26.8  | 167    | > 7                    |
| Ba       | Củng Sơn    | 349.92                                   | <3                     | 32.83  | 36.29 | 38.88 | 39.74 | 34.56 | 32.8   | 31.1  | 246.23 | <22                    |
| Cái N,T  | Đồng Trăng  | 52.1                                     | >35                    | 6.05   | 6.48  | 6.91  | 7.34  | 6.91  | 5.2    | 4.32  | 43.19  | >30                    |
| ĐăkBlá   | KonTum      | 20.86                                    | < 86                   | 2.26   | 2.19  | 2.25  | 2.23  | 2.29  | 2.4    | 2.38  | 16     | < 84                   |
| Srêpôk   | Giang Sơn   | 146.43                                   | > 43                   | 20.56  | 19.01 | 17.63 | 16.24 | 14.86 | 13.7   | 12.36 | 114.3  | > 45                   |
| Tiền     | Tân Châu    |                                          |                        | 2755   | 2732  | 2700  | 2667  | 2643  | 2633.0 | 2610  | 18741  | >15                    |
| Hậu      | Châu Đốc    |                                          |                        | 505    | 498   | 489   | 482   | 476   | 468.0  | 461   | 3379   | <22                    |